HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /2021/NQ-HĐND	*Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 12 tháng 3 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi, thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi, thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 33/BC-BPC ngày 10 tháng 03 năm 2021 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi, thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.

b) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Cán bộ, công chức, viên chức và những người tham gia phục vụ công tác bầu cử.

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách nhà nước đảm bảo.

2. Cùng với số kinh phí phục vụ bầu cử do ngân sách Trung ương và ngân sách cấp tỉnh đảm bảo, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, yêu cầu công việc và khả năng cân đối ngân sách, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xem xét, quyết định bổ sung kinh phí từ ngân sách cấp mình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để phục vụ cho công tác bầu cử trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

3. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các cơ quan, đơn vị để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

4. Các nội dung liên quan đến chế độ chi phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026.

5. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng, hỗ trợ cao nhất.

Điều 3. Nội dung chi, mức chi

Nội dung chi, mức chi phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ

1. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử thực hiện theo quy định, tránh trùng lắp chế độ được bồi dưỡng, hỗ trợ.

2. Thời gian hưởng chế độ thanh toán theo thực tế, tối đa không quá 5 tháng.

3. Danh sách chi bồi dưỡng, hỗ trợ thực hiện theo Quyết định thành lập, văn bản huy động, trưng tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến khi kết thúc nhiệm vụ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Đối với khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi văn bản này có hiệu lực; các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ tình hình thực tế, trường hợp cần bổ sung các chế độ chính sách liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid-19, các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền hướng dẫn về công tác phòng, chống dịch Covid - 19 đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Hai mươi (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 12 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ;
- TTr. Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTr. HĐND và UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, SNV, TH.

CHỦ TỌA

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Mai Ngọc Thuận
(Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân)

PHỤ LỤC

QUY ĐỊNH NỘI DUNG CHI, MỨC CHI, THỜI GIAN ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG, HỖ TRỢ PHỤC VỤ CHO CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2021-2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01 /2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	**Chi tổ chức hội nghị**				
1	Chi tổ chức hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ công tác phí trong nước, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.			
2	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.			
II	**Chi bồi dưỡng các cuộc họp**				
1	Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử, Bộ phận thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Ban bầu cử, các Tiểu ban và Tổ chuyên viên giúp việc của Ủy ban bầu cử				
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	200.000	160.000	140.000
b	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	100.000	80.000	70.000
c	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	40.000	35.000
2	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử				
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	150.000	120.000	105.000
b	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	80.000	65.000	55.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
c	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	40.000	35.000
III	**Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử; Bộ phận thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo bầu cử; Thường trực Hội đồng nhân dân; Ủy ban bầu cử; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các Ban bầu cử; các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định)**				
1	Trưởng đoàn	đồng/người/buổi	200.000	160.000	140.000
2	Thành viên chính thức của đoàn	đồng/người/buổi	100.000	80.000	70.000
3	Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên phục vụ đoàn như sau				
a)	Phục vụ trực tiếp đoàn	đồng/người/buổi	80.000	65.000	55.000
b)	Phục vụ gián tiếp đoàn	đồng/người/buổi	50.000	40.000	35.000
4	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				
a)	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; Báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ban Chỉ đạo bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	2.500.000	2.000.000	1.750.000
b)	Xin ý kiến bằng văn bản các tổ chức, cá nhân (tổng mức xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân/văn bản)	đồng/tổ chức, cá nhân/lần	300.000	240.000	210.000
c)	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	600.000	480.000	420.000
IV	**Chi xây dựng văn bản**				
1	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
2	Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn tỉnh, huyện, xã do Ban Chỉ đạo bầu cử, Bộ phận thường trực giúp việc cho Ban chỉ đạo bầu cử, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử, cơ quan nội vụ và tài chính, ban hành (kế hoạch, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử); báo cáo định kì và đột xuất của Ban Chỉ đạo bầu cử và Ủy ban bầu cử				
a)	Xây dựng văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	đồng/văn bản	2.000.000	1.600.000	1.400.000
b)	Báo cáo tổng kết cuộc bầu cử để báo cáo Hội đồng nhân dân	Bằng mức chi soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (văn bản mới) theo quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND			
c)	Chi xin ý kiến bằng văn bản các tổ chức, cá nhân (tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/tổ chức, cá nhân/văn bản)	đồng/tổ chức, cá nhân/lần	300.000	240.000	210.000
V	**Chi bồi dưỡng, hỗ trợ cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử**				
1	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau				
a)	Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Trưởng các Ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.200.000	1.750.000	1.550.000
b)	Trưởng, Phó và thành viên Bộ phận Thường trực giúp việc cho Ban Chỉ đạo bầu cử; Thành viên Ủy ban bầu cử; Phó trưởng các Ban bầu cử; Trưởng, Phó các Tiểu ban; Tổ trưởng và Tổ phó Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.000.000	1.600.000	1.400.000
c)	Các thành viên Ban bầu cử, thành viên các Tiểu ban bầu cử, thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.800.000	1.450.000	1.250.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
2	Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia tại các Tiểu ban và các Tổ giúp việc); thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử, ngày bầu cử và ngày sau ngày bầu cử). Trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: 1.500.000 đồng/người/tháng đối với cấp tỉnh; 1.200.000 đồng/người/tháng đối với cấp huyện; 1.050.000 đồng/người/tháng đối với cấp xã trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trưng tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/ngày	100.000	80.000	70.000
3	Bồi dưỡng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử trong 03 ngày (ngày trước ngày bầu cử, ngày bầu cử và ngày sau ngày bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt)	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000
4	Chi hỗ trợ tiền ăn đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử trong 04 ngày (trước, trong và sau ngày bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi hỗ trợ theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt)	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000
VI	**Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử**				
1	Trưởng, Phó và thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử; Trưởng, Phó và thành viên Bộ phận thường trực giúp việc Ban Chỉ đạo bầu cử; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Ủy ban bầu cử; Trưởng, Phó và thành viên các Ban bầu cử; Trưởng, Phó và thành viên các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Tổ giúp việc cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	500.000	400.000	350.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
2	Trường hợp cần thiết, Ban Chỉ đạo bầu cử, Ủy ban bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định danh sách công chức, viên chức tham gia phục vụ công tác bầu cử được hỗ trợ cước điện thoại di động	đồng/người/tháng	300.000	240.000	210.000
VII	**Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử**				
1	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000	65.000	55.000
2	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	60.000	50.000	40.000
3	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	40.000	35.000
VIII	**Chi đóng hòm phiếu (trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung)**	đồng/hòm phiếu			350.000
IX	**Chi khắc dấu (trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung)**	đồng/dấu			250.000
X	**Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)**	đồng/bảng			1.500.000
XI	**Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử**	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.			
XII	**Chi công tác tuyên truyền, in ấn**	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.			
XIII	**Chi thuê, mua sắm, vận chuyển máy móc, trang thiết bị, vật tư phục vụ công tác bầu cử**	Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành hoặc thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
XIV	**Chi tiếp các Đoàn làm việc tại địa phương về công tác bầu cử**	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.			
XV	**Các nội dung chi khác liên quan đến công tác bầu cử như chi phí hành chính cho công tác bầu cử, chi khám sức khỏe cho người ứng cử là đại biểu chuyên trách, chi mô phỏng mô hình bầu cử, chi phần mềm kiểm phiếu, chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu, chi chế độ công tác phí…**	Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành hoặc thanh toán theo thực tế, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.			